

Số: 19 /KH-UBND

Bình Định, ngày 22 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Năm 2025 được xác định là năm “tăng tốc”, “bứt phá”, cả nước đang hùng hực khí thế mới và động lực mới, tự tin, khát vọng chuyển mình để bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc. Năm 2025 cũng là năm cuối về đích kế hoạch 05 năm 2021 - 2025 và xây dựng định hướng cho giai đoạn 2026 - 2030 trong bối cảnh thực hiện một cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy hướng tới mục tiêu xây dựng một bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu năng và hiệu quả. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi các cấp, các ngành, người dân và cộng đồng doanh nghiệp phải tiếp tục đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm cao nhất để khắc phục khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ trong phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Kết luận số 452-KL/TU ngày 13/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chủ trương đối với các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, để triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và cả giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ với các nội dung sau:

I. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Phương châm hành động

Kế thừa những kết quả quan trọng đã đạt được, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; tập trung cao độ để khắc phục mọi khó khăn, thách thức, giữ vững tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường, phát huy mạnh mẽ quyết tâm đổi mới, đột phá, sáng tạo, chủ động, dám nghĩ, dám làm để thực hiện thành công, toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch 05 năm 2021-2025 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đề ra. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025, UBND tỉnh quán triệt phương châm hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP “*Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tăng tốc bứt phá*”, UBND tỉnh xác định phương châm hành động năm 2025 của tỉnh đó là “*làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bứt phá*”.

2. Quan điểm và trọng tâm chỉ đạo, điều hành

- Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 theo Kết luận, yêu cầu của Trung ương, Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội, các Công điện số 137/CĐ-TTg ngày 20/12/2024 và số 140/CĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2025; UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành, địa phương trong chỉ đạo, điều hành, quản lý phải **phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP toàn tỉnh năm 2025 từ 7,6% - 8,5% và tập trung nỗ lực cao nhất để đạt tăng trưởng ở mức hai con số (10%)** (Phụ lục I đính kèm). Đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt, cách mạng và toàn diện hơn nữa trong chỉ đạo, điều hành để phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện các giải pháp đột phá với tinh thần *“chỉ tiêu nào chưa đạt thì phải đạt, chỉ tiêu đạt rồi thì phải nâng cao chất lượng, hiệu quả”* nhằm phấn đấu đạt kết quả cao nhất các chỉ tiêu của Kế hoạch 05 năm 2021-2025 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra.

- Tập trung rà soát, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá, tạo dư địa cho bước *“chuyển mình”* của tỉnh Bình Định trong giai đoạn tới theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ công tác trọng tâm, xuyên suốt.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải thể hiện trách nhiệm nêu gương, vai trò dẫn dắt, năng động, sáng tạo, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; làm việc cụ thể, thực chất, chủ động theo sát cơ sở; ưu tiên dành thời gian tập trung nghiên cứu đổi mới, đề xuất ý tưởng sáng tạo phát triển kinh tế - xã hội và tập trung giải quyết các nút thắt, điểm nghẽn, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế.

Thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã bằng hệ thống các chỉ số, chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã được lượng hóa, có liên thông, liên kết theo từng tháng, từng quý, 6 tháng và cả năm. Chỉ đạo thực hiện kịp thời, chất lượng, hiệu quả các Văn bản chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh, nhất là Chương trình công tác trọng tâm năm 2025 và các nhiệm vụ thường xuyên được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

- Tiếp tục đổi mới tư duy của hệ thống chính quyền và chuyển đổi thật sự từ tư duy *“chính quyền quản lý”* sang *“chính quyền phục vụ”*; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp sản xuất phát triển kinh tế trong khuôn khổ quy định pháp luật. Quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ để người dân chuyển đổi phương thức sản xuất mới, hiệu quả để vươn lên làm giàu bền vững.

- Tập trung, khẩn trương rà soát, kịp thời triển khai Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo chỉ đạo của Trung ương, với phương châm *“Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”*. Bảo đảm xây dựng đội ngũ có số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ, phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời kỳ mới, theo tinh thần *“đúng*

người, đúng việc”; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo yêu cầu chất lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong trình hình mới; đổi mới hệ thống bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

- Phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Tăng cường quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị, cùng với các chỉ đạo và hướng dẫn từ Trung ương và tỉnh về việc tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp, hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Việc chuẩn bị cho đại hội đảng các cấp cần được thực hiện một cách chu đáo và hiệu quả, đảm bảo rằng đây sẽ là một sự kiện chính trị có ý nghĩa sâu rộng trong toàn Đảng bộ.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Tập trung triển khai kịp thời, hiệu quả các vụ sản xuất năm 2025, nhất là sản xuất vụ Đông Xuân (vụ sản xuất chính của năm). Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi diện tích đất lúa, mía, sắn kém hiệu quả sang các cây trồng cận có giá trị kinh tế cao, với diện tích 7.278 ha; chuyển đổi từ đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa với diện tích 4.600 ha. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 707.000 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 648.000 tấn. Đối với cây ăn quả, tập trung phát triển cây có giá trị kinh tế cao: Dừa 9.520 ha, sản lượng 116.400 tấn; bưởi 1.000 ha, sản lượng 4.180 tấn; xoài 1.270 ha, sản lượng 5.290 tấn.

Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp; hình thành các vùng sản xuất cây trồng chủ lực và cây ăn quả tập trung theo hướng liên kết các địa phương tạo thành vùng nguyên liệu lớn để thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ, chế biến; tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đặt biệt triển khai có hiệu quả các chuỗi giá trị sản xuất có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh, như: Chuỗi giá trị sản xuất lúa giống, lúa theo hướng hữu cơ, lúa chất lượng cao, chuỗi sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGap, sản xuất rau an toàn,...; mỗi địa phương phấn đấu hình thành mới ít nhất 01 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Tập trung phát triển 3 loại vật nuôi chủ lực của tỉnh là bò thịt, lợn, gia cầm (gà) nhằm nâng cao giá trị sản xuất: Đàn bò 320.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 42.500 tấn; đàn lợn 750.000 con (không tính lợn con theo mẹ), sản lượng thịt hơi xuất chuồng 145.000 tấn; đàn gia cầm 12.000 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 33.500 tấn; trong đó, đàn gà 10.500 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 29.500 tấn; phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, công nghệ cao gắn với các thương hiệu nổi tiếng mang tầm quốc tế trong lĩnh vực chăn nuôi của Bình Định, như: Gà giống Minh Dự, Cao Khanh; gà thịt Hà My; nuôi heo công nghệ cao New Hope, Việt Thắng (Thaco)... Phát triển chăn nuôi trang trại tập trung theo hướng an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường.

Triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ trong chăn nuôi, nhất là chính sách nuôi bò thịt chất lượng cao, gà thả đồi; phát triển các vùng chăn nuôi: Vùng chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, kêu gọi doanh nghiệp liên kết sản xuất chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm, phát huy nhãn hiệu bò thịt chất lượng cao Bình Định; vùng chăn nuôi lợn trọng điểm tạo vùng nguyên liệu sản phẩm lợn an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm cung ứng thịt lợn cho thị trường và phục vụ nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh; vùng chăn nuôi gia cầm trọng điểm, đảm bảo an toàn dịch bệnh; khuyến khích 02 doanh nghiệp sản xuất gà giống thương phẩm 01 ngày tuổi (Minh Dư, Cao Khanh) tăng cường xuất khẩu gà theo quy định.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng; tập trung đẩy mạnh công tác phát triển trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn, gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững để phục vụ xuất khẩu; nghiên cứu, đề xuất Đề án kinh doanh tín chỉ carbon và Quy định chống phá rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR), xây dựng tiêu chuẩn đảm bảo tiêu chí xuất khẩu vào thị trường Châu Âu. Đẩy mạnh nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng bằng biện pháp thâm canh rừng trồng sản xuất, sử dụng cây giống nuôi cấy mô, cây giống lâm nghiệp mới, chất lượng cao phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn. Kêu gọi các doanh nghiệp chế biến gỗ liên doanh, liên kết đầu tư trồng rừng để chủ động nguồn nguyên liệu.

- Tăng cường hoạt động khai thác gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào khai thác thủy sản để giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nghề cá từ khai thác; phát triển các dự án ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản; khuyến khích đầu tư mở rộng công suất các nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ và khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo theo quy định (IUU). Đẩy nhanh xúc tiến đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ. Phần đầu năm 2025 sản lượng khai thác thủy sản đạt 289.085 tấn; trong đó, cá ngừ đại dương 14.295 tấn. Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 15.500 tấn; trong đó, sản lượng tôm 11.340 tấn. Tập trung hoàn thành đề án lớn, như: Đề án nuôi biển giai đoạn 2025 – 2030; Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh và Đề án phát triển thủy sản giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đôn đốc, hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất, chế biến có quy mô lớn trên lĩnh vực nông nghiệp, như: Chuỗi liên kết thu mua, chế biến từ lạc; thúc đẩy mô hình gà thả đồi trên địa bàn huyện Tây Sơn, Hoài Ân, An Lão... Đây là yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả cạnh tranh và giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh thời gian tới, góp phần thúc đẩy tiêu thụ nông sản cho người dân, tạo tiền đề vững chắc phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh nhanh và bền vững.

2. Về sản xuất công nghiệp

- Tập trung tạo điều kiện thuận lợi các nhà máy đang hoạt động, các nhà máy mới hoàn thành đi vào hoạt động trong năm 2024 và các dự án sản xuất công nghiệp

đang triển khai đầu tư xây dựng dự kiến đưa vào hoạt động sản xuất trong năm 2025... phát huy giá trị sản xuất hiện có, tạo mới giá trị sản xuất công nghiệp, phấn đấu chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng từ 10% trở lên so với năm 2024, cụ thể như sau:

+ Đôn đốc, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án dự kiến hoàn thành, đi vào hoạt động sau năm 2025 sớm hoàn thành, hoạt động trong năm 2025: Tạo điều kiện các dự án thu hút đầu tư trong năm 2024 và 2025 và các dự án có tiến độ đi vào hoạt động sau năm 2025 nhưng cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng, thực hiện để sớm hoạt động trong năm 2025 phát huy giá trị mới, đóng góp tăng từ 0,5 - 1,0 điểm % chỉ số sản xuất công nghiệp trở lên như: Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ và Nhà máy sản xuất thuốc rắn dạng uống (OSD) của Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định; Nhà máy chế biến hàng nông lâm sản của Công ty CP đầu tư thương mại tổng hợp Trường Thịnh; Khu sản xuất, chế biến nông lâm sản tập trung (Khu sản xuất thức ăn chăn nuôi, mỹ phẩm; Khu chế biến nông sản; Khu sản xuất thực phẩm chức năng) của Cty CP Vinanutrifood Bình Định....

+ Các dự án dự kiến đi vào hoạt động năm 2025: Năm 2025 dự kiến có 55 dự án với tổng vốn đầu tư 6.604 tỷ đồng (15 dự án trọng điểm, vốn đầu tư 5.376 tỷ đồng) đi vào hoạt động, tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp mới, đóng góp tăng từ 2,5-3,0 điểm % trở lên;

+ Các dự án bắt đầu đi vào sản xuất trong năm 2024: 80 nhà máy mới đã đi vào hoạt động trong 2024 (*bao gồm 12 dự án trọng điểm có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng*) phát huy cao giá trị sản xuất trong năm 2025, đóng góp tăng từ 3,0-3,5 điểm % trở lên;

+ Các dự án đã đi vào sản xuất trước năm 2024: Các nhà máy đang hoạt động phát huy hết công suất, đóng góp tăng từ 3,0 điểm % trở lên;

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các Khu, Cụm công nghiệp mới (Khu Công nghiệp Hoài Mỹ, Khu Công nghiệp Phù Mỹ; Các cụm Công nghiệp: Cát Hiệp, Cầu 16 (mở rộng), Trung Thành, Trung Hiệp) để tạo dư địa mời gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Tập trung rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn; phát triển sản xuất các ngành công nghiệp gắn với đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường.

- Tiếp tục triển khai các biện pháp tháo gỡ khó khăn, chủ động nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp; kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc động viên, khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Nâng cao hiệu quả công tác khuyến công, khuyến khích các hộ gia đình, tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tham gia xuất khẩu.

3. Về lĩnh vực xây dựng

- Phân đầu trong năm 2025 hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án mới, có quy mô lớn, đột phá, mang tính dẫn dắt, động lực và sớm tổ chức khởi công khi đảm bảo điều kiện như: (i) Dự án đầu tư xây dựng đường cát hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát; (ii) Khu công nghiệp Phù Mỹ và Khu bến cảng Phù Mỹ; (iii) Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ đầu giá dự án Khu thương mại, Dịch vụ du lịch Tân Thắng và Khu dân cư xã Cát Thành tại xã Cát Hải và xã Cát Thành, huyện Phù Cát; (iv) các dự án du lịch tại La Vuông và Bãi Con, thị xã Hoài Nhơn...

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phân đầu hoàn thành vượt kế hoạch các công trình trọng điểm của tỉnh đang triển khai như: Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại; Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ; Tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong; Tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn (*đoạn tuyến chính*); Đường Điện Biên Phủ nối dài đến khu đô thị Diêm Vân...

- Khẩn trương phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và UBND tỉnh Gia Lai hoàn thành thủ tục đầu tư dự án Đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku.

- Tiếp tục triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định, đảm bảo hoàn thành ít nhất 742 căn nhà ở xã hội trong năm 2025. Tập trung dồn đốc chủ đầu tư các dự án nhà ở xã hội tập trung nguồn lực (nhân lực, vật lực) để triển khai thi công xây dựng công trình theo tiến độ và quy mô dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức làm việc trực tiếp với nhà đầu tư để kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc (nếu có) để phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương nơi có dự án để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án, hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra.

- Triển khai thực hiện tốt việc ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong công tác quản lý dự án, công trình, góp phần rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng công tác thiết kế, thi công, quản lý dự án đầu tư xây dựng và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Xây dựng.

- Chỉ đạo khẩn trương hoàn tất thủ tục các dự án đầu tư công trọng điểm của tỉnh để sớm triển khai thực hiện; đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng và thi công các dự án, công trình trọng điểm đang triển khai trên địa bàn.

- Các sở, ngành, địa phương rà soát các nội dung đã thực hiện được trong thời gian qua, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các bước tiếp theo, trong đó thể hiện rõ tiến độ thực hiện, dự báo được các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện để có hướng kịp thời tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát các pháp lý liên quan đến việc giao đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng các dự án, kịp thời báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo kiểm tra, tháo gỡ, đăng ký các kỳ họp

HĐND tỉnh trong năm 2025 để kịp thời thông qua các chủ trương đầu tư, chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng.

- Các sở, ngành đẩy nhanh công tác thẩm định quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, cấp GPXD (nếu có); Thường xuyên bám sát tiến độ thực hiện dự án, kịp thời đôn đốc, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện dự án; quan tâm nghiên cứu, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của quá trình thực hiện dự án trên tinh thần tuân thủ quy định pháp luật và định hướng trước khác khó khăn, vướng mắc để chủ động tháo gỡ thay vì chờ đợi. Rà soát, đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời rà soát, điều chỉnh các cấp độ quy hoạch để đảm bảo tính pháp lý triển khai thực hiện dự án.

4. Về thương mại, dịch vụ

- **Xuất khẩu:** Tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp để trao đổi về tình hình xuất khẩu, những khó khăn, vướng mắc và bàn biện pháp tháo gỡ để góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi hơn nữa cho hoạt động xuất khẩu; tăng cường và đổi mới công tác thông tin thị trường để kịp thời cung cấp cho các hiệp hội, doanh nghiệp biết. Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh như: sản phẩm gỗ, hàng thủy sản, đá granite, hàng may mặc, thủ công mỹ nghệ,... và tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp và khai thác có hiệu quả các cơ hội, các ưu đãi trong cam kết quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu. Phối hợp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường ngoài nước nhằm phát triển thị trường mới cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh, chú trọng thị trường các nước là thành viên các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia. Phần đầu kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 1.750 triệu USD, tăng 40 triệu USD (*trung bình tăng 2,3%*) so với kế hoạch đề ra.

- **Hoạt động thương mại;** tăng cường xúc tiến thương mại thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; phát triển thương mại điện tử. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong nước để phát triển thương mại, dịch vụ. Bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho sản xuất, không để đứt gãy chuỗi cung ứng. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn; duy trì và phát triển các làng nghề thủ công nghiệp truyền thống... Tập trung phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, nhất là các dự án trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, khu mua sắm cao cấp tại các đô thị trọng điểm như Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn.

- **Du lịch:** Tập trung hoạt động kích cầu du lịch, nhất là du lịch nội địa với các nội dung như sau: Tổ chức các Chương trình, sự kiện lớn để thu hút du khách, như Giải đua thuyền máy nhà nghề quốc tế, Lễ hội du lịch hè,...; vận động, khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch giảm giá sản phẩm, dịch vụ từ 10 - 40%; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ thu hút đoàn khách đến tỉnh Bình Định dự hội nghị, hội thảo... Chú trọng xây dựng thương hiệu và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đưa vào hoạt động các dự án đầu

tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, nhất là tại thành phố Quy Nhơn, ven đầm Thị Nại và trong Khu kinh tế Nhơn Hội; khai thác tốt các đường bay tại Cảng Hàng không Phù Cát. Phân đầu trong năm thu hút đạt 10 triệu lượt khách du lịch.

- Tiếp tục **đầu tư hạ tầng và nâng cao sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển**; đầu tư phát triển hạ tầng cảng biển, nhất là Khu bến cảng Phù Mỹ; nâng cao chất lượng vận tải, bảo đảm phục vụ lưu thông hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng các cảng cạn (ICD), kho bãi, các trung tâm logistics để phát triển dịch vụ cảng biển, logistics của tỉnh và khu vực; hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics.

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng hoạt động các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính - viễn thông, tư vấn, khoa học công nghệ... Mở rộng, phát triển các dịch vụ mới, nhất là dịch vụ có giá trị cao, giải quyết nhiều việc làm.

5. Về tài chính, ngân sách

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách nhà nước; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, mở rộng cơ sở thu và chống thất thu thuế, nhất là thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất từ các dự án có sử dụng đất, kinh doanh thương mại điện tử qua nền tảng số; quyết liệt triển khai chuyển đổi số, quy định bắt buộc về hóa đơn điện tử đối với tất cả các ngành, lĩnh vực.

- Phân đầu thu ngân sách nhà nước năm 2025 cao hơn ít nhất 5% so với dự toán năm 2024 đã được HĐND tỉnh thông qua.

- Triển khai kịp thời, hiệu quả chính sách giảm thuế giá trị gia tăng trong 06 tháng đầu năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; thực hiện nghiêm chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh trong năm 2025 ngay khi các chính sách trên được ban hành.

- Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên để dành nguồn cho đầu tư phát triển và an sinh xã hội.

- Chỉ đạo nắm bắt tình hình tiếp cận, sử dụng nguồn vốn tín dụng ngân hàng, tập trung xử lý các khoản nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh; triển khai các giải pháp mở rộng tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng. Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công.

6. Về đầu tư công

- Xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2025 của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan được giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát sát sao việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phân đầu đến 31/12/2025 tỷ lệ giải ngân đạt từ 98% trở lên (*kế hoạch ban đầu*

là 95%), đến 31/01/2026 đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

- Thực hiện nghiêm việc rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025 giữa các dự án theo các đợt đã được quy định các mốc thời gian cụ thể tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2025.

- Các cấp, các ngành, các chủ đầu tư phải tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát tiến độ và chất lượng các dự án xây dựng đã phân cấp và giao nhiệm vụ quản lý. Tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong các khâu thẩm định, phê duyệt dự án; giao đất và bồi thường GPMB để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

7. Về thu hút đầu tư

- Đổi mới công tác xúc tiến, thu hút đầu tư theo hướng hiệu quả, khả thi và tập trung thu hút các dự án đầu tư có chất lượng; chú trọng lồng ghép xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch và đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh.

- Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng, các lĩnh vực chế biến sâu, tạo ra sản phẩm giá trị cao gắn với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn các quy trình, thủ tục để tạo điều kiện tối đa đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trên các lĩnh vực, như: Công nghiệp; Du lịch và dịch vụ; Nông nghiệp công nghệ cao; Khoa học và công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo;...

8. Tập trung thực hiện chuyển đổi số, phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao

- Triển khai quyết liệt kế hoạch chuyển đổi số, đặc biệt là trong các trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Phát triển kinh tế số gắn với kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Tập trung xây dựng các nền tảng ứng dụng AI phục vụ hoạt động chuyên môn; nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu và Trung tâm IOC của tỉnh; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo AI và an ninh mạng. Thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông triển khai cung cấp dịch vụ thông tin di động 5G; tăng cường nhân lực, trang thiết bị và các giải pháp kỹ thuật.

- Triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xác định đây là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học, đổi mới công nghệ và hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nhằm khuyến khích khu vực tư nhân tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ. Gắn hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với thực tiễn, tạo bứt phá về năng suất, chất

lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo; mở rộng hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước để chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ khoa học mới, đồng thời nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ địa phương.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; nâng cao hiệu quả hoạt động khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ; tăng cường thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với các loại sản phẩm hàng hóa trên địa bàn; triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác về khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đặc biệt là phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp để xây dựng các chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động; triển khai hiệu quả các chính sách thu hút nhân tài và chuyên gia trong và ngoài nước đến làm việc tại tỉnh gắn với điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; triển khai thực hiện Đề án “*Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng tới năm 2050*”.

9. Về văn hóa, xã hội

- Chú trọng phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thông tin, giải trí của nhân dân. Xây dựng kế hoạch, tổ chức chu đáo các hoạt động chào mừng các sự kiện lớn của đất nước và tỉnh trong năm 2025.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kỷ cương, nền nếp và nâng cao chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; duy trì kết quả công tác phổ cập giáo dục; thúc đẩy chương trình giáo dục STEM, AI trong các trường THPT. Tiếp tục tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đồng bộ cho các trường công lập theo đề án được duyệt.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn mạng lưới khám chữa bệnh trong tỉnh, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đồng bộ cho các cơ sở y tế; chú trọng y tế dự phòng, duy trì hiệu quả công tác tiêm chủng mở rộng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm, hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và kinh doanh thuốc. Hoàn thiện thể chế, chính sách đãi ngộ, cải thiện môi trường làm việc, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia (*Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động; đảm bảo an sinh xã hội; chăm sóc người có công; thực hiện giảm nghèo bền vững; kế hoạch xóa nhà tạm, nhà dột nát;... Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với nhu cầu của

xã hội; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định, chính sách pháp luật về lao động, người có công.

10. Về xây dựng chính quyền và cải cách hành chính

- Tập trung hoàn thiện Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả Quy định số 148-QĐ/TW ngày 23/5/2024 của Bộ Chính trị, Nghị định số 73/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm; khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ngành, đơn vị, địa phương trong xử lý các vấn đề có tính liên ngành.

- Tập trung nâng cao đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng, chống “*chạy chức, chạy quyền*”; làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, sử dụng cán bộ, công chức, nhất là phải đổi mới triệt để công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo khách quan, thực chất, công bằng để làm cơ sở đưa những người không còn phù hợp ra khỏi hệ thống công vụ.

- Triển khai quyết liệt, thực chất, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (*Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)*); *cải cách hành chính (PAR)*; *sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)*; *hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)*), trong đó tập trung nỗ lực cải thiện các chỉ số, chỉ tiêu còn đạt thấp. Thường xuyên đồng hành, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06 và công tác cải cách thủ tục hành chính; đổi mới việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng giải phóng nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trên địa bàn; tập trung cấu trúc lại quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở liên thông điện tử, tái sử dụng dữ liệu để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến liên thông toàn trình; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho người dân để đảm bảo cho việc tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến từ xa, tại nhà. Tăng cường chia sẻ cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý theo thời gian thực để khai thác, phân tích phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

11. Quốc phòng – an ninh và hoạt động nội chính

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng – quân sự năm 2025; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Tăng cường các biện pháp phòng chống cháy nổ; tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông... giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như đầu tư, tài sản công, đất đai, khoáng sản...; xử lý nghiêm vi phạm với tinh thần “*xử lý một vụ, cảnh tỉnh cả vùng, cả lĩnh vực*”; không hình sự hóa các quan hệ dân sự, hành chính, kinh tế...

- Thúc đẩy ngoại giao kinh tế, tranh thủ hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; duy trì, phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Bình Định và các địa phương, đối tác, doanh nghiệp nước ngoài, đưa các nội dung hợp tác đã ký đi vào thực chất, hiệu quả. Tiếp tục quan tâm công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Tích cực kêu gọi, vận động nguồn viện trợ và triển khai hiệu quả các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo kế hoạch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần đổi mới, không ngừng nỗ lực sáng tạo, dám nghĩ dám làm, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, chung sức, đồng lòng, biến mọi khó khăn, thách thức thành cơ hội bứt phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, thiết thực và toàn diện để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Chương trình công tác trọng tâm năm 2025 của UBND tỉnh, các Nghị quyết, Kế hoạch khác của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện của sở, ngành, đơn vị, địa phương mình.

b) Căn cứ nội dung về các quan điểm, nhiệm vụ trọng tâm và nhóm giải pháp chủ yếu tại Kế hoạch này để xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động cụ thể của đơn vị mình (*kể cả bổ sung, cập nhật vào chương trình, kịch bản, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 đã ban hành theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 19/12/2024, Công văn số 10039/UBND-TH ngày 11/12/2024*), báo cáo UBND tỉnh **trong tháng 01/2025**, trong đó quy định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, phân kỳ thời gian theo tháng, quý và chi tiết đến từng danh mục dự án, sản phẩm cụ thể gắn với giải pháp khả thi, để tổ chức triển khai thực hiện; phân công người chịu trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện cụ thể từng nội dung công việc; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý những vấn đề phát sinh.

c) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng tháng, hàng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ theo nhiệm vụ phân công, các chỉ tiêu tại các Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06 và tổng hợp vào Báo cáo báo cáo kinh tế - xã hội định kỳ của đơn vị, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước **ngày 25 hàng tháng** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. UBND tỉnh sẽ tổ chức các Hội nghị chuyên đề với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương để kịp thời xử lý những vấn đề bức xúc phát sinh trong quá trình triển khai; tổ chức Hội nghị UBND tỉnh thường kỳ hàng tháng để đánh giá tình hình và đề ra các biện pháp đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2025.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định và các cơ quan thông tấn, báo chí chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức phổ biến Kế hoạch này trong các cấp, các ngành; tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động để cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh biết, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Báo BĐ, Đài PT-TH BĐ;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- P.KSTTHC, TT.PVHCC, TT.TH-CB;
- Lưu: VT, B.TCD, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 01

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG GRDP CỦA TỈNH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua	Kế hoạch năm 2025 theo kịch bản tăng trưởng mới	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	Tốc độ tăng GRDP	%	7,6 - 8,5	10,0	
	- Nông, lâm, thủy sản	%	3,2 - 3,6	3,8	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	10,2 - 11,2	14,3	
	+ Công nghiệp	%	10,5 - 11,5	15,0	
	+ Xây dựng	%	9,7 - 10,7	13,0	
	- Dịch vụ	%	8,0 - 9,1	10,3	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	9,5 - 10,2	10,5	

Phụ lục 02
**KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN
CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2025**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025 đã được UBND tỉnh thông báo tại Công văn 10039/UBND-TH	Kế hoạch năm 2025 theo kịch bản tăng trưởng mới
1	2	3	4	6
	Tốc độ tăng Tổng giá trị sản phẩm			
1	THÀNH PHỐ QUY NHƠN	%	10 - 10,4	12,6
	- Nông, lâm, thủy sản	%	1,2 - 1,4	1,5
	- Công nghiệp và xây dựng	%	10,4 - 10,8	13,5
	+ Công nghiệp	%	10,9 - 11,4	13,6
	+ Xây dựng	%	9,0 - 9,1	13,2
	- Dịch vụ	%	10,1 - 10,4	12,0
2	THỊ XÃ AN NHƠN	%	11,1 - 11,5	13,6
	- Nông, lâm, thủy sản	%	3,8 - 3,9	3,9
	- Công nghiệp và xây dựng	%	12,3 - 12,9	15,3
	+ Công nghiệp	%	12,6 - 13,2	15,4
	+ Xây dựng	%	10,8 - 11,4	14,8
	- Dịch vụ	%	9,4 - 9,8	11,3
3	THỊ XÃ HOÀI NHƠN	%	8,6 - 9,0	10,5
	- Nông, lâm, thủy sản	%	2,5 - 2,7	2,9
	- Công nghiệp và xây dựng	%	12,4 - 12,8	15,5
	+ Công nghiệp	%	13,3 - 13,7	16,5
	+ Xây dựng	%	11 - 11,4	13,8
	- Dịch vụ	%	9,5 - 9,9	10,9
4	HUYỆN PHÙ CÁT	%	9,1 - 9,6	11,5
	- Nông, lâm, thủy sản	%	3,4 - 3,5	3,8
	- Công nghiệp và xây dựng	%	13,9 - 14,5	17,8
	+ Công nghiệp	%	14,2 - 14,6	17,9
	+ Xây dựng	%	13,3 - 14,3	17,6
	- Dịch vụ	%	9,0 - 10,0	11,9
5	HUYỆN PHÙ MỸ	%	7,8 - 8,1	10,1
	- Nông, lâm, thủy sản	%	3,6 - 3,8	3,8
	- Công nghiệp và xây dựng	%	13,6 - 14,0	19,3

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025 đã được UBND tỉnh thông báo tại Công văn 10039/UBND-TH	Kế hoạch năm 2025 theo kịch bản tăng trưởng mới
1	2	3	4	6
	+ Công nghiệp	%	15,3 - 15,7	19,9
	+ Xây dựng	%	9,9 - 10,3	17,9
	- Dịch vụ	%	8,8 - 9,1	10,7
6	HUYỆN TUY PHƯỚC	%	9,1 - 9,5	11,6
	- Nông, lâm, thủy sản	%	2,9 - 3,0	3,2
	- Công nghiệp và xây dựng	%	12,1 - 12,9	15,7
	+ Công nghiệp	%	11,3 - 12,1	14,9
	+ Xây dựng	%	14,5 - 15,3	18,1
	- Dịch vụ	%	8,2 - 8,8	10,5
7	HUYỆN TÂY SƠN	%	9,4 - 9,8	11,5
	- Nông, lâm, thủy sản	%	3,2 - 3,3	3,3
	- Công nghiệp và xây dựng	%	13,2 - 13,6	16,3
	+ Công nghiệp	%	14,4 - 14,8	17,0
	+ Xây dựng	%	10,7 - 11,1	14,7
	- Dịch vụ	%	8,3 - 8,8	10,3
8	HUYỆN HOÀI AN	%	7,6 - 8	9,6
	- Nông, lâm, thủy sản	%	5,3 - 5,7	7,6
	- Công nghiệp và xây dựng	%	11,6 - 11,9	13,5
	+ Công nghiệp	%	13,3 - 13,8	12,4
	+ Xây dựng	%	10,8 - 11,0	14,0
	- Dịch vụ	%	7,5 - 7,8	9,0
9	HUYỆN AN LÃO	%	7,6 - 8,2	10,2
	- Nông, lâm, thủy sản	%	4,8 - 5,4	5,6
	- Công nghiệp và xây dựng	%	9,6 - 10,2	13,5
	+ Công nghiệp	%	10,2 - 10,4	12,9
	+ Xây dựng	%	9,2 - 10,1	13,9
	- Dịch vụ	%	7,7 - 8,3	9,9
10	HUYỆN VÂN CANH	%	11,2 - 11,5	13,3
	- Nông, lâm, thủy sản	%	3,3 - 3,5	3,5
	- Công nghiệp và xây dựng	%	14,6 - 14,9	17,4
	+ Công nghiệp	%	15,1 - 15,4	17,6

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025 đã được UBND tỉnh thông báo tại Công văn 10039/UBND-TH	Kế hoạch năm 2025 theo kịch bản tăng trưởng mới
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>6</i>
	+ <i>Xây dựng</i>	%	12,6 - 12,9	16,5
	- Dịch vụ	%	7,9 - 8,3	9,8
11	HUYỆN VĨNH THẠNH	%	8,5 - 8,9	10,5
	- Nông, lâm, thủy sản	%	5,1 - 5,2	6,8
	- Công nghiệp và xây dựng	%	11,4 - 11,8	13,5
	+ <i>Công nghiệp</i>	%	11,7 - 12,1	13,8
	+ <i>Xây dựng</i>	%	10 - 10,4	12,1
	- Dịch vụ	%	5,5 - 5,9	7,5

Phụ lục 03a

**DANH SÁCH DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP
CẦN ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN, HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2025**

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Vốn đầu tư (VNĐ)	Mục tiêu	Quy mô
1	2	3	4	5	6
I	DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI				
1	Khu sản xuất, chế biến nông, lâm sản tập trung	Công ty Cổ phần Vinanutrifood Bình Định	495.920.524.000	Sản xuất, chế biến nông, lâm sản tập trung (các loại thức ăn chăn nuôi, hoa quả đóng lon, hoa quả hòa tan, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm).	Thức ăn chăn nuôi 10.000 tấn/năm, hoa quả đóng lon 20.000 tấn/năm, hoa quả hòa tan 1.000 tấn/năm, thực phẩm chức năng 2.000 tấn/năm, mỹ phẩm 5.000m3/năm
2	Trung tâm Giết mổ gia súc, gia cầm và Chế biến thực phẩm San Hà Bình Định	Công ty TNHH San Hà	220.000.000.000	Hình thành trung tâm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và chế biến thực phẩm.	40.000 con gia cầm/ngày, 500 con gia súc/ngày, 10 tấn sản phẩm chế biến/ngày.
3	Trang trại chăn nuôi gà trứng- hậu bị	Công ty TNHH Hà My BĐ	150.715.313.000	Đầu tư trang trại chăn nuôi gà trứng - hậu bị	Chăn nuôi 270.000 con, trong đó: 200.000 con gà đẻ trứng, 70.000 con gà hậu bị; sản phẩm cung cấp dự kiến: 60 triệu trứng/năm, 80.000 con gà hậu bị/năm, 190.000 con gà thải loại/năm, 1.576,8 tấn phân gà/năm.
4	Trang trại chăn nuôi heo Vĩnh Quang	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Vĩnh Quang	131.858.825.139	Đầu tư xây dựng mới Trang trại chăn nuôi heo thịt tập trung với quy mô 20.000 con heo thịt/đợt, áp dụng quy trình công nghệ nuôi heo khép kín.	Chăn nuôi 20.000 con heo thịt/đợt (nuôi 02 đợt/năm). Sản phẩm cung cấp là heo thịt, trung bình mỗi năm cung cấp thị trường khoảng 4.200 tấn heo thịt (giống heo ngoại: Landrace, Duroc).
5	Trang trại bò sữa Tây Sơn	Công ty TNHH Hà My 1	31.000.000.000	Chăn nuôi bò sữa	Quy mô chăn nuôi 1.000 con bò sữa

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Vốn đầu tư (VNĐ)	Mục tiêu	Quy mô
1	2	3	4	5	6
6	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và chế biến thực phẩm đông lạnh Hoài Nhơn	Công ty TNHH Sản xuất chế biến thực phẩm Quy Nhơn	21.700.000.000	Giết mổ gia súc gia cầm và chế biến thịt đông lạnh.	- Giai đoạn 1: Giết mổ gia súc gia cầm, công suất 400 con lợn thịt/ngày. 2.000 con heo sữa/ngày, 30 con trâu, bò/ngày, 1.000 gia cầm/ngày. - Giai đoạn 2: Chế biến thịt đông lạnh, công suất 1.000 tấn thịt lợn, bò đông lạnh/năm).
7	Nhà máy sản xuất trà Tiên Vua	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Q-LINK	4.997.418.100	Sản xuất trà, công suất 86,11 kg/năm	Sản xuất trà, công suất 86,11 kg/năm
8	Sản xuất và Chế biến Nấm	Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ Agribio	4.000.000.000	Sản xuất, chế biến nấm ăn và nấm dược liệu an toàn	- Công suất thiết kế: Nấm Linh Chi 51.150 kg/năm, Nấm Bào Ngư 180.000 Kg/năm, Phấn Nấm 2.850 kg/năm, Bịch phôi Nấm Linh Chi 1.500.000 Bịch/năm, Bịch phôi Thải 700.000 Bịch/năm. - Sản phẩm, dịch vụ cung cấp; Nấm Linh Chi Loại I, Nấm Linh Chi Loại II, Nấm Bào Ngư, Phấn Nấm.
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				
1	Dự án chăn nuôi heo thịt công nghệ cao theo mô hình khép kín, tích hợp tuần hoàn	Công ty TNHH Nông nghiệp Trường Hải Bình Định (“THAGRI Bình Định”)	560.000.000.000	Chăn nuôi heo thịt công nghệ cao, cung cấp heo thịt thương phẩm cho thị trường trong nước (tỉnh Bình Định, các tỉnh lân cận).	ây dựng trang trại để chăn nuôi khoảng 59.200 con heo thịt (nguồn heo giống được cung cấp từ dự án hiện hữu 116,94 ha).

Phụ lục 03b
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG PHẦN ĐẦU TRÊN 10% CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn tỉnh	Kế hoạch chi tiết các địa phương:											Ghi chú
				Quy Nhơn	An Nhơn	Hoài Nhơn	Phù Cát	Phù Mỹ	Tuy Phước	Tây Sơn	Hoài Ân	An Lão	Vân Canh	Vĩnh Thạnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trồng trọt														
	Diện tích, sản lượng một số loại cây trồng chính														
-	Cây lúa														
	<i>Diện tích</i>	<i>ha</i>	90.710	1.700	12.600	10.200	13.500	16.000	14.000	9.860	7.650	2.000	1.260	1.940	
	<i>Sản lượng</i>	<i>tấn</i>	648.000	11.400	92.800	73.500	93.800	110.750	102.600	71.500	56.800	13.600	8.300	12.950	
-	Cây ngô														
	<i>Diện tích</i>	<i>ha</i>	9.200	50	720	1.560	930	2.350	370	1.120	1.520	170	60	350	
	<i>Sản lượng</i>	<i>tấn</i>	59.000	250	4.600	9.850	5.880	15.020	2.300	7.030	10.500	1.020	320	2.230	
-	Cây lạc														
	<i>Diện tích</i>	<i>ha</i>	12.000	40	520	550	5.500	2.140	250	2.300	300	140	100	160	
	<i>Sản lượng</i>	<i>tấn</i>	48.000	120	2.050	1.700	23.600	8.380	780	9.200	910	380	330	550	
-	Rau các loại														
	<i>Diện tích</i>	<i>ha</i>	18.000	630	1.670	1.500	3.000	5.000	2.270	2.000	900	160	400	470	
	<i>Sản lượng</i>	<i>tấn</i>	333.000	9.700	30.000	29.000	57.000	95.000	39.860	39.000	15.000	2.240	9.200	7.000	
-	Cây sắn														
	<i>Diện tích</i>	<i>ha</i>	9.290	5	120	1.650	2.480	1.800	0	1.200	240	120	400	1.275	
	<i>Sản lượng</i>	<i>tấn</i>	263.600	80	3.480	48.180	68.450	51.840	0	33.720	4.660	2.340	9.200	41.650	
-	Cây dừa														
	<i>Diện tích</i>	<i>ha</i>	9.520	20		3.020	1.340	2.900	50	50	1.800	200	20	120	
	<i>Sản lượng</i>	<i>tấn</i>	116.400	200		38.000	23.000	32.000	600	600	18.900	2.000	200	900	
2	Chăn nuôi														
2.1	Số lượng đàn vật nuôi chủ lực														
-	Đàn bò	con	320.000	3.000	34.000	32.000	55.000	59.300	16.000	49.900	26.500	10.000	15.400	18.900	
-	Đàn lợn	con	750.000	2.900	94.500	120.000	79.000	61.500	34.300	65.000	245.000	20.000	8.800	19.000	

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn tỉnh	Kế hoạch chi tiết các địa phương:											Ghi chú
				Quy Nhơn	An Nhơn	Hoài Nhơn	Phù Cát	Phù Mỹ	Tuy Phước	Tây Sơn	Hoài Ân	An Lão	Vân Canh	Vĩnh Thạnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
-	Đàn gia cầm	ngàn con	12.000	30	1.370	1.100	2.300	1.250	2.600	1.400	1.100	125	525	200	
	<i>Trong đó: Đàn gà</i>	<i>ngàn con</i>	10.000	12	1.200	900	1.943	1.000	2.100	1.240	850	115	460	180	
2.2	Sản lượng thịt hơi các loại vật nuôi chủ lực														
-	Thịt bò	tấn	42.500	420	5.480	3.200	7.200	8.100	2.100	7.000	3.500	1.200	1.800	2.500	
-	Thịt lợn	tấn	145.000	350	18.800	17.500	18.700	11.950	6.700	12.300	48.000	3.800	1.300	5.600	
-	Thịt gia cầm	tấn	33.500	165	4.150	4.000	6.200	3.450	7.000	3.800	2.500	365	1.520	350	
	<i>Trong đó: Thịt gà</i>	<i>tấn</i>	29.000	145	3.500	3.400	5.600	2.800	6.200	3.250	2.200	315	1.290	300	
3	Thủy sản														
-	Sản lượng nuôi trồng	tấn	15.500	490	350	1.700	2.100	7.685	1.800	100	250	155	50	820	
	<i>Trong đó: Sản lượng tôm</i>	<i>tấn</i>	11.340	270		1.600	1.565	6.675	1.230						
-	Sản lượng khai thác	tấn	289.085	60.281	0	71.800	50.300	103.460	3.100					144	
	<i>Trong đó: Sản lượng cá ngừ đại dương</i>	<i>tấn</i>	14.295	105		13.010	855	325							
4	Lâm nghiệp														
4.1	Khoán bảo vệ rừng	ha	129.296	2.559		2.111	11.019	5.592	12	16.123	17.737	23.808	20.693	29.642	
4.2	Trồng rừng tập trung (trồng lại sau khai thác)	ha	8.000	400	130	500	800	400	130	700	1.400	1.300	2.090	150	
	<i>Trong đó, trồng rừng gỗ lớn</i>	<i>ha</i>	120								50		70		
4.3	Sản lượng gỗ khai thác	m3	1.050.000	52.000	16.900	65.000	104.000	54.000	16.900	91.000	184.800	170.300	275.800	19.300	
4.4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	58,00	33,10	26,10	49,30	44,00	33,60	13,20	57,10	67,80	83,15	74,25	77,80	
5	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
-	<i>Trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch</i>	%	40,0	79,2	45,0	26,0	45,3	27,4	65,5	38,4	18,9	33,4	16,5	27,8	
6	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	3									2		1	

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn tỉnh	Kế hoạch chi tiết các địa phương:											Ghi chú
				Quy Nhơn	An Nhơn	Hoài Nhơn	Phù Cát	Phù Mỹ	Tuy Phước	Tây Sơn	Hoài Ân	An Lão	Vân Canh	Vĩnh Thạnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	8			2	2	1		2		1			
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã	4		1	1	1			1					

Phụ lục 04
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 8,5%	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 10,0%	Giải pháp để đạt được kịch bản tăng trưởng 10,0%
1	2	3	4	5	6
I	Các dự án theo kế hoạch sẽ đi vào hoạt động sau năm 2025 nhưng cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng, thực hiện để sớm hoạt động trong năm 2025				
1	Khu SX, CB nông lâm sản tập trung (Khu SX TÁC.N, mỹ phẩm; Khu CB nông sản; Khu SX thực phẩm chức năng) - Cty CP Vinanutrifood Bình Định	tấn/năm		4.000	Hiện nay NĐT đang thực hiện công tác BT-GPMB; do đó, các sở, ban ngành và địa phương cần đôn đốc, chia sẻ, hỗ trợ với NĐT để sớm triển khai xây dựng và hoàn thành dự án
2	Trung tâm giặt mở gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm San Hà Bình Định - Cty TNHH San Hà	tấn/năm		1.200	
3	NM chế biến hải sản (GD 1: Hải sản đóng hộp, đông lạnh)- Cty TNHH MTV XNK Thủy sản NSF Group	tấn/năm		3.200	
4	Trồng và chế biến đậu phộng theo công nghệ hiện đại, tiên tiến giai đoạn 2 - Cty CP Nông nghiệp - Công nghệ cao Trường Thành Tây Sơn	lít/năm		2.760.000	Tổ chức đào tạo, gặp mặt trực tiếp các nhà đầu tư hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện dự án, giải quyết, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án, tạo điều kiện thuận lợi NĐT triển khai nhanh các thủ tục pháp lý trong quá trình đầu tư
5	SX gia công bộ phận phụ tùng ô tô, phụ tùng động cơ, phụ tùng phanh, phụ tùng máy móc hạng nặng - Cty TNHH HANSHIN METAL VINA	tấn/năm		4	
6	NMSX các sản phẩm thời trang cao cấp - Nhà đầu tư Ying Han International Limited	sản phẩm/năm		440.000	Đôn đốc CĐT hoàn thành các thủ tục pháp lý và xây dựng NM
7	NM may nệm các loại phục vụ đàn nhựa giả mây - Cty TNHH Javin Furniture	sản phẩm/năm		160.000	Hiện nay NĐT đang thực hiện công tác BT-GPMB; do đó, các sở, ban ngành và địa phương cần đôn đốc, chia sẻ, hỗ trợ với NĐT để sớm triển khai xây dựng và hoàn thành dự án
8	Nhà xưởng may mặc - Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngự Hoa Viên	sản phẩm/năm		2.800.000	
9	MR NM may Ngọc Sơn - Cty CP May Hoài Nhơn	sản phẩm/năm		160.000	Đôn đốc CĐT hoàn thành xây dựng NM
10	NMSX chăn ga gối nệm - Cty TNHH Sa Thạch Nhơn Hội	sản phẩm/năm		40.000	Tổ chức đào tạo, gặp mặt trực tiếp các nhà đầu tư hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện dự án, giải quyết, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án, tạo điều kiện thuận lợi NĐT triển khai nhanh các thủ tục pháp lý trong quá trình xây dựng
11	NMSX các sản phẩm thời trang TnB Việt Nam - HGQ Asia PTE	sản phẩm/năm		600.000	
12	MR NM may Hoài Hương - Cty CP May Hoài Hương	sản phẩm/năm		120.000	Đôn đốc CĐT hoàn thành các thủ tục pháp lý và xây dựng NM
13	NM may - Cty TNHH Seldat Việt Nam	sản phẩm/năm		8.800.000	Đôn đốc CĐT hoàn thành xây dựng NM
14	NM đan nhựa giả mây, gia công cơ khí phục vụ ngành đan nhựa giả mây và may mặc - Cty TNHH Lê Gia Quy Nhơn	sản phẩm/năm		40.000	Đôn đốc CĐT hoàn thành xây dựng NM
15	Nhà xưởng may mặc - Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Tân Tấn Đạt	sản phẩm/năm		2.600	
16	NMSX thuốc vô trùng thể tích nhỏ - Cty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	sản phẩm/năm		48.000.000	Sớm hoàn thành đăng ký thuốc
17	Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ và hoạt động dịch vụ sau thu hoạch - Công ty cổ phần Phân bón và Dịch vụ tổng hợp Bình Định	tấn/năm		3.920	Đôn đốc CĐT hoàn thành pháp lý và xây dựng NM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 8,5%	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 10,0%	Giải pháp để đạt được kịch bản tăng trưởng 10,0%
1	2	3	4	5	6
18	Nhà máy sản xuất thuốc rắn dạng uống (OSD) Non –Betalactam - Công ty CP Dược Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	tấn/năm		4	Đón đốc CĐT hoàn thành xây dựng NM
19	Hệ thống cấp nước KKT Nhơn Hội - Cty CP Halcom Việt Nam	m3/năm		8.400.000	
20	NM nước Hồ Núi Một (Đến năm 2025 đầu tư giai đoạn 1:)	m3/ngày đêm		8.000	
21	NM nước Nhơn Hòa	m3/ngày đêm		1.160	Đón đốc CĐT hoàn thành xây dựng NM
22	NMN Phú Phong nâng cấp lên 5.000 m3/ngđ	m3/ngày đêm		2.000	
23	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp tỉnh Bình Định - Công ty TNHH Môi trường Phú Hà	Tấn/ ngày		824	Đón đốc CĐT hoàn thành các thủ tục pháp lý và xây dựng NM
24	NM sản xuất và chế biến gỗ- Cty Cổ phần Tekcom Central	m3/năm		58.755	Đón đốc CĐT xây dựng NM
25	NMSX nhiên liệu sinh học rắn-Công ty TNHH Tổng hợp Sản xuất Thương mại Thanh Bình	tấn viên nén/năm		80.000	Địa phương sớm hoàn thành BT, GPMB cho thuê đất, và hỗ trợ CĐT trong thực hiện thủ tục đầu tư liên quan
26	02 Nhà máy chế biến hàng nông lâm sản-Công ty CP đầu tư thương mại tổng hợp Trường Thịnh	m3/năm		1.600	Đón đốc CĐT hoàn thành xây dựng NM
II Các dự án mới dự kiến đi vào hoạt động năm 2025					
1	NMSX thức ăn chăn nuôi BAF Bình Định - Cty CP Nông nghiệp BAF Bình Định	tấn/năm	200.000	300.000	
2	NMSX trà Tiên Vua - Cty CP Thương mại và Dịch vụ Q-LINK	tấn/năm	0,07	0,09	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh và địa phương theo dõi, đón đốc hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành dự án; Sở Công Thương tiếp tục phối hợp với tuyên truyền, phổ biến cho nhà đầu tư các chính sách của ngành Công Thương, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tiếp cận chính sách để hỗ trợ từng bước ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi hoàn thành dự án
3	Xưởng sản xuất, gia công các sản phẩm inox - Cty TNHH Inox Việt Na	tấn/năm	2.500	2.782	
4	NX gia công cấu kiện thép Bình Phú - Cty TNHH Đầu tư Sản xuất Bình Phú	sản phẩm/năm	15.000	17.000	
5	NM cơ khí Nhơn Tân - Cty CP Xây dựng TC Bình Định	tấn/năm	150	200	
6	NM gia công cơ khí và sửa chữa ô tô - DNTN Thương mại Tám Bảo	tấn/năm	500	520	
7	Nhà xưởng gara ô tô - Cty TNHH Dư Phong	sản phẩm/năm	1.500	1.680	
8	Nhà máy sản xuất bàn ghế dây nhựa giả mây - Cty TNHH Sài Gòn Max	m3/năm m2/năm	45.000 650.000	50.000 750.000	
9	Xưởng ba lô xuất khẩu - Cty TNHH FAN	sản phẩm/năm	140.000	153.400	
10	MR NM may Sinh Phát - Cty TNHH Sinh Phát VN	sản phẩm/năm	3.600.000	4.000.000	
11	Nâng công suất NMSX phân bón NPK lên 100.000 - Cty CP Vật tư Nông nghiệp Bình Định	tấn/năm	70.000	100.000	
12	Nhà máy Sản xuất Phân bón Cà Mau - Cơ sở Bình Định - Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Tấn/năm	25.000	50.000	Đón đốc CĐT hoàn thành bảo dưỡng NM để hoạt động
13	Xưởng sản xuất xốp EPS - Cty TNHH Thương mại dịch vụ và kỹ thuật Danh Sơn	Tấn/năm	200	300	Đón đốc CĐT hoàn thành thủ tục pháp lý cấp phép xây dựng
14	NMSX ống nhựa PVC - Cty TNHH Huệ Tài	Tấn/năm	500	750	
15	Nhà máy sản xuất khí oxy và ni tơ - Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ vận tải An Thành Đạt	Tấn/năm	200	228	Đón đốc CĐT hoàn thành thủ tục pháp lý QHCT, cấp phép xây dựng để hoàn thành NM hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 8,5%	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 10,0%	Giải pháp để đạt được kịch bản tăng trưởng 10,0%
1	2	3	4	5	6
16	Hệ thống cấp nước KKT Nhơn Hội - Cty CP Halcom Việt Nam	m3/năm	2.500.000	3.000.000	Đôn đốc CĐT hoàn thành xây dựng và lắp đặt MMTB để hoạt động
17	NM chế biến lâm sản xuất khẩu-Cty TNHH Greenwind	m3/năm	25.000	30.000	
18	NM chế biến dăm gỗ và sản xuất viên nén sinh học xuất khẩu-Cty CP Thương mại Bảo Đạt Thành	tấn/năm	200.000	230.000	
19	MR nâng cấp xưởng sản xuất giấy bao bì-Cty TNHH MTV Bảo Thắng - Bình Định	tấn/năm	26.000	30.000	
20	NMSX nhiên liệu sinh học rắn Tây Sơn-Cty CP Năng lượng Thiện Minh	tấn viên nén/năm	180.000	200.000	
21	NMSX nội thất xuất khẩu-Cty TNHH Wesbrook Hong Kong	m3/năm	30.000	40.000	
22	NMSX sản phẩm nội - ngoại thất cao cấp-Cty TNHH SAIGON MAXETHICS	sản phẩm/năm	200.000	230.000	
23	NX SX bao bì, thùng bằng giấy carton-Cty TNHH Vĩnh Xuân Bình Định	tấn/năm	30.000	36.000	
24	NM bê tông thương phẩm Hoàng Phát của Cty TNHH Xây dựng Hoàng Phát	m3/năm	10.000	11.200	
25	NM chế biến đá thạch anh nhân tạo giai đoạn 3 của Cty TNHH Thịnh Gia	triệu m2/năm	10	11	
III	Các dự đã đầu tư hoàn thành và đi vào hoạt động từ năm 2024 trở về trước				
1	NMSX thức ăn chăn nuôi Hải Long Bình Định (Dây chuyền SX thức ăn gia súc, gia cầm) - Cty TNHH Hải Long Bình Định	tấn/năm	66.000	70.000	
2	NMSX thức ăn chăn nuôi - thuốc thú y Fago miền Trung - Cty TNHH Thức ăn chăn nuôi Fago CN Miền Trung	tấn/năm	190.000	200.000	
3	MR Nhà máy sản xuất bánh trắng Dalop - Cty TNHH Nhân Hòa	tấn/năm	1.450	1.500	
4	NM chế biến thực phẩm (tôm đông lạnh) - Cty TNHH MTV Savvy Seafood Việt Nam	tấn/năm	3.500	4.000	
5	NM gia công cơ khí - Cty TNHH Xây lắp Cơ khí Thành Quân	sản phẩm/năm	18.000	20.000	
6	Xưởng cán ống thép và gia công cơ khí - Cty TNHH Thép Hoàng Toàn	tấn/năm	4.800	5.000	
7	Xưởng gia công cơ khí - Cty TNHH TPV	tấn/năm	18	20	
8	SX sơn nước; lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp, kết cấu kim loại - Cty CP ĐT và TM Quốc tế Rồng Vàng	tấn/năm	500	530	
9	NMSX bông và may nệm mousse phục vụ ngành đan nhựa giả mây - Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Toàn Thắng Lợi	sản phẩm/năm	950.000	1.000.000	
10	Mở rộng NM may Hoài Sơn giai đoạn 2 - Cty TNHH May Hoài Sơn	sản phẩm/năm	2.500.000	2.800.000	
11	Xưởng SX hàng dệt sẵn - Cty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Lang	sản phẩm/năm	980.000	1.000.000	
12	NMSX ruột nệm và nệm các loại - Cty TNHH Nệm Sơn Hoài Nhơn	sản phẩm/năm	290.000	302.000	
13	Nhà máy may mặc APPAREL - Cty TNHH GA APPAREL	sản phẩm/năm	8.000.000	8.500.000	Tạo mặt bằng rộng để CĐT mở rộng nhà máy đáp ứng đơn hàng và nâng công suất
14	Xưởng may mặc - Cty TNHH may mặc Tân Bảo Tín	sản phẩm/năm	95.000	100.000	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 8,5%	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 10,0%	Giải pháp để đạt được kịch bản tăng trưởng 10,0%
1	2	3	4	5	6
15	Nhà máy SX hàng may mặc xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM Dịch vụ Tổng hợp Phúc Minh	sản phẩm/năm	70.000	80.000	
16	Xưởng may Sinh Phúc - Công ty CP vận tải D'sago cơ sở may Sinh Phúc	sản phẩm/năm	900.000	950.000	
17	Xưởng may mặc - Công ty TNHH may mặc Sơn Tùng	sản phẩm/năm	1.150.000	1.200.000	
18	Xưởng may mặc - Công ty TNHH SX VÀ TM Hoàng Như	sản phẩm/năm	300.000	312.000	
19	Nhà máy may nệm các loại; sản xuất nệm mousse; nệm từ sợi polyeste; gia công cơ khí phục vụ đàn nhựa giả mây - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang	sản phẩm/năm	2.800.000	3.000.000	
20	Sản xuất và gia công chần, ga, gối, nệm mút, nệm bông, nệm PE, nệm lò xo; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế - Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hàn Việt Hải	sản phẩm/năm	50.000	51.100	
21	Xưởng may mặc - Công ty TNHH SX và TM Song Toàn Phát	sản phẩm/năm	67.000	70.000	
22	Xưởng may mặc - Công ty TNHH may mặc Vy Nhất	sản phẩm/năm	80.000	90.000	
23	Xưởng may mặc - Công ty TNHH Dệt May Tổng Hợp An Khang	sản phẩm/năm	900.000	940.000	
24	Xưởng may mặc - Công ty TNHH XNK Phương Anh	sản phẩm/năm	150.000	180.000	
25	Xưởng may mặc - Công ty TNHH may mặc Minh Quân	sản phẩm/năm	850.000	900.000	
26	Xưởng may mặc - Công ty TNHH May Tân Phạm Gia	sản phẩm/năm	3.400.000	3.600.000	
27	Xưởng sản xuất - Công ty TNHH Sản xuất Bông Gòn Bình Định	tấn/năm	450	470	
28	Xưởng may mặc - Công ty TNHH Tuấn Thành CUSHION	sản phẩm/năm	650	700	
29	Xưởng may mặc - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp An Phú	sản phẩm/năm	480	500	
30	Xưởng may mặc - Công ty TNHH Tổng hợp An Lợi Phú	sản phẩm/năm	750	800	
31	Xưởng may mặc - Công ty TNHH thương mại dịch vụ ROSSE Nhung	sản phẩm/năm	950	1.000	
32	MR NM may Delta Galil - Cty TNHH Delta Galil Việt Nam	sản phẩm/năm	9.000.000	10.000.000	
33	Nhà máy may - Nhà đầu tư Delta Bogart Lingerie Limited	sản phẩm/năm	18.000.000	20.000.000	
34	Nhà máy may Khánh Toàn - Công ty CP May mặc Khánh Toàn	sản phẩm/năm	3.800.000	4.000.000	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 8,5%	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 10,0%	Giải pháp để đạt được kịch bản tăng trưởng 10,0%
1	2	3	4	5	6
35	NMSX ống nhựa Thiên Phước - Cty TNHH Sản xuất và Thương mại tổng hợp Thiên Phước	sản phẩm/năm	1.000	1.104	
36	Nâng công suất sản xuất phân bón thành 43.600 tấn sản phẩm/năm - Cty CP Thương mại Phân bón Nam Dương	sản phẩm/năm	42.000	43.600	
37	NMSX phân hữu cơ vi sinh - Cty TNHH Thái An Bình Định	sản phẩm/năm	4.000	4.200	
38	Xưởng Tùng Phong - Công ty TNHH TM - SX Tùng Phong	sản phẩm/năm	480	500	
39	NMSX dược phẩm Bidiphar Công nghệ cao -Chi nhánh của Cty CP dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Tấn/năm	120	126	
40	NMSX phân bón - Cty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Thành Hưng	Tấn/năm	48.000	50.000	
41	NMSX dược phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và công nghệ sinh học - Cty CP Kỹ thuật dược Bình Định	Tấn/năm	40.000	42.370	
42	NMSX decal trang trí lá dập mỏng -Cty TNHH KURZ Việt Nam tại Bình Định	m2/năm	12.000.000	15.000.000	
43	Nhà máy nước sạch Quy Nhơn - Cty TNHH MTV Cấp nước Senco Quy Nhơn	m3/năm	25.000	30.000	
44	NMSX ván ghép thanh và viên nén gỗ - Cty TNHH Tổng hợp sản xuất thương mại Thanh Bình	tấn viên nén/năm	55.000	60.000	
45	NMSX đồ nội ngoại thất từ gỗ và kim loại đan nhựa giả mây - Cty TNHH Tổng hợp Tân Đại Hưng	tấn viên nén/năm	135	146	
46	NM chế biến sản xuất nhiên liệu sinh học rắn - Cty TNHH Năng lượng xanh Idemitsu Việt Nam	tấn viên nén/năm	215.000	225.000	
47	NM In và Bao bì ECO Nhơn Hội-Cty TNHH In và Bao bì ECO Nhơn Hội	tấn/năm	7.500	8.000	
48	NMSX và in bao bì carton-Cty CP Bao bì Hoàng Long Phát	tấn viên nén/năm	13.000	13.915	
49	NMSX chế biến lâm sản-Cty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát	tấn viên nén/năm	140.000	150.000	
50	NM năng lượng xanh Thiện Hoàng-Cty TNHH Gỗ Thành Đạt	tấn viên nén/năm	115.000	120.000	
51	NMSX bàn ghế nhựa giả mây xuất khẩu-Cty TNHH Phú Hưng Lợi	tấn viên nén/năm	75.000	80.000	
52	NM chế biến gỗ nội - ngoại thất-Cty TNHH Thiên Bắc	m3/năm	3.500	3.600	
53	NM sản xuất viên nén gỗ-Cty CP Nguyệt Anh	tấn viên nén/năm	65.000	70.000	
54	NM chế biến gỗ nội - ngoại thất cao cấp- Cty CP HD Nhơn Hội	m3/năm	6.800	7.000	
55	NM sản xuất dăm gỗ xuất khẩu-Cty CP Năng lượng xanh Nhơn Tân	tấn dăm/năm	250.000	300.000	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 8,5%	Quy mô sản xuất với kịch bản tăng trưởng 10,0%	Giải pháp để đạt được kịch bản tăng trưởng 10,0%
1	2	3	4	5	6
56	NM sản xuất viên nén -Cty CP Năng lượng xanh Nhơn Tân	tấn viên nén/năm	250.000	300.000	
57	NM sản xuất các sản phẩm đan nhựa giả mây và gia công cơ khí-Cty TNHH Tổng hợp Tân Đại Nam	sản phẩm/năm	350.000	400.000	
58	NM chế biến gỗ xuất khẩu-Cty TNHH Sản xuất thương mại Tâm Phú	tấn viên nén/năm	8.000	8.500	
59	NM sản xuất nhiên liệu sinh học rắn-Cty TNHH Năng lượng xanh Hà Tiên	tấn viên nén/năm	100.000	120.000	
60	NMSX gạch ngói GD 1 của Cty CP Takao Bình Định	triệu m2/năm	12	15	
61	NMSX gạch ốp lát granite của Cty CP Công nghiệp Kamado	triệu m2/năm	9	12	
62	NMSX trộn bê tông nhựa nóng và bê tông thương phẩm của Cty TNHH Nhật Minh	m3/h	55	60	
63	NM chế biến đá granite khổ lớn của Cty TNHH MTV đá thạch anh Phú Tài Bình Định	m2/năm	90.000	100.000	
64	NM chế biến đá Takumino của Cty TNHH Takumino	m3/năm	250	300	
65	NM chế biến khoáng sản (sản xuất zircon siêu mịn) của Cty TNHH East Minerals Bình Định	tấn/năm	10.000	12.000	

Phụ lục 05
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG CỦA NGÀNH XÂY DỰNG

STT	Chi tiêu	Kịch bản tăng trưởng 8,5% (triệu đồng)	Kịch bản tăng trưởng 10,0% (triệu đồng)	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
A	Xây dựng	31.364.464	39.714.561	
I	CÁC DỰ ÁN THEO KẾ HOẠCH SẼ ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG SAU NĂM 2025 NHƯNG CẦN ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG, THỰC HIỆN ĐỂ SỚM HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025		1.908.697	
1	Nhà ở xã hội Hàng Hải Bình Định		398.000	
2	Khu đô thị xanh Đông Bắc Diêu Trì, huyện Tuy Phước (Hạ tầng kỹ thuật)		245.670	
3	Khu đô thị mới Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn (Hạ tầng kỹ thuật)		233.631	
4	Khu đô thị Long Vân 3 (Hạ tầng kỹ thuật)		208.894	
5	Khu đô thị Long Vân 2 (Hạ tầng kỹ thuật)		197.899	
6	Nhà ở xã hội chung cư Phú Tài Lộc		179.000	
7	Khu đô thị mới Nhơn Bình (Hạ tầng kỹ thuật)		154.471	
8	Khu đô thị Trà Quang Nam, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ (Hạ tầng kỹ thuật)		148.974	
9	Khu đô thị Khang Mỹ Lộc, phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn (Hạ tầng kỹ thuật)		87.735	
10	Khu đô thị phía Nam cây xăng dầu Việt Hưng tại thị xã Hoài Nhơn (Hạ tầng kỹ thuật)		54.422	
II	CÁC DỰ ÁN MỚI DỰ KIẾN ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025	31.364.464	32.876.964	
1	DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG THEO KẾ HOẠCH NĂM 2025	9.381.579	9.381.579	
2	DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH	21.982.885	23.495.385	
*	Dự án triển khai theo kế hoạch	21.982.885	21.982.885	

STT	Chỉ tiêu	Kịch bản tăng trưởng 8,5% (triệu đồng)	Kịch bản tăng trưởng 10,0% (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	DA nhà máy Tôn Hoa Sen	4.860.000	4.860.000	
2	Khu phức hợp căn hộ Quy Nhơn Seaview	2.192.808	2.192.808	
3	Khu chung cư kết hợp dịch vụ thương mại và du lịch nghỉ dưỡng Diêm Vân	1.426.928	1.426.928	
4	Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software	1.200.388	1.200.388	
5	Dự án công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, chung cư nhà ở tại số 01 đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Quy Nhơn	1.116.050	1.116.050	
6	Khu phức hợp văn phòng, khách sạn và căn hộ (Grand Center Quy Nhơn)	867.629	867.629	
7	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (Công trình trên đất)	817.559	817.559	
8	Trung tâm thương mại dịch vụ và căn hộ I-tower Quy Nhơn	716.999	716.999	
9	Điểm du lịch số 2A	618.000	618.000	
10	Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, Văn phòng và Căn hộ I-Tower Quy Nhơn	467.198	467.198	
11	Nhà ở thuộc quy hoạch Khu thiết chế công đoàn tỉnh Bình Định (CT2, 3, 4)	423.000	423.000	
12	Khu đất ở, dịch vụ thương mại 03 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội (Công trình trên đất)	396.862	396.862	
13	Chung cư 08 Trần Bình Trọng	391.499	391.499	
14	Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình (Block 02, 03, 04)	378.600	378.600	
15	Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân (Công trình trên đất)	338.570	338.570	
16	Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ giai đoạn 2	315.000	315.000	
17	Khu đất ở, dịch vụ thương mại 04 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội (Công trình trên đất)	309.434	309.434	
18	Nhà máy gạch, ngói Takao	288.000	288.000	
19	Chợ Tam Quan Bắc kết hợp với khu dân cư mới	275.235	275.235	

STT	Chỉ tiêu	Kịch bản tăng trưởng 8,5% (triệu đồng)	Kịch bản tăng trưởng 10,0% (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5
20	Khu đất ở phía Nam đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội nối dài tại lý trình Km 2+400, Khu kinh tế Nhơn Hội (Công trình trên đất)	273.787	273.787	
21	Khu đất Kho Việt răng cũ (phần còn lại), Phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	259.776	259.776	
22	Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ giai đoạn 1	252.000	252.000	
23	Khách sạn Quy Nhơn 2	222.000	222.000	
24	NM sản xuất và chế biến gỗ	196.000	196.000	
25	Khu phức hợp BMC Quy Nhơn tại lô DV3 thuộc khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ phía Tây đường An Dương Vương, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn	180.362	180.362	
26	Nhà máy chế biến gỗ và thủ công mỹ nghệ Hoài Châu	175.239	175.239	
27	Trung tâm thương mại dịch vụ khách sạn cao cấp (khách sạn 5 sao)	155.378	155.378	
28	Khu dân cư 05 thuộc Điểm số 3, quỹ đất dọc đường trục Khu kinh tế nối dài (Công trình trên đất)	151.061	151.061	
29	Khu sản xuất, chế biến nông, lâm sản tập trung	148.776	148.776	
30	Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ, kim loại, nhựa giả mây và nệm nội, ngoại thất	142.200	142.200	
31	Khu dịch vụ và khu dân cư phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn	140.028	140.028	
32	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dung dịch thẩm phân phức mạc	126.000	126.000	
33	Nhà máy sản xuất thuốc rắn dạng uống (OSD) Non –Betalactam	120.000	120.000	
34	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (Hạ tầng kỹ thuật)	118.630	118.630	
35	Nhà ở xã hội Nhơn Phú 2 (Block CTA 1, 2)	108.600	108.600	
36	Khu chung cư nhà ở xã hội tại Khu C thuộc Khu đô thị -Thương mại Bắc sông Hà Thanh (Khu đô thị Đại Phú Gia)	108.600	108.600	
37	Bệnh viện Quốc tế Long Vân	101.331	101.331	

STT	Chỉ tiêu	Kịch bản tăng trưởng 8,5% (triệu đồng)	Kịch bản tăng trưởng 10,0% (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5
38	Tổ hợp khách sạn và căn hộ du lịch Xuân Diệu	96.413	96.413	
39	Nhà máy sản xuất giấy bao bì	70.000	70.000	
40	Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân	65.422	65.422	
41	Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân (Hạ tầng kỹ thuật)	48.815	48.815	
42	Khách sạn và căn hộ du lịch đa chức năng Green Quy Nhơn	48.569	48.569	
43	Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ Tekcom Central	45.231	45.231	
44	Nhà máy sản xuất sản phẩm nội – ngoại thất cao cấp	24.300	24.300	
45	SX gia công bộ phận phụ tùng ô tô, phụ tùng động cơ, phụ tùng phanh, phụ tùng máy móc hạng nặng	23.940	23.940	
46	Khu dân cư 05 thuộc Điểm số 3, quỹ đất dọc đường trục Khu kinh tế nổi dài (Hạ tầng kỹ thuật)	22.357	22.357	
47	Nhà máy sản xuất viên nén chất đốt wood pellet	21.429	21.429	
48	Nhà máy chế biến gỗ TFS Bình Định	20.400	20.400	
49	Khách sạn SALA tại số 124 đường Phan Chu Trinh, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn	16.200	16.200	
50	Tổ hợp DL TM GT MerryLand Quy Nhơn	12.162	12.162	
51	Nhà máy sản xuất nguyên liệu giấy	10.000	10.000	
52	Trạm trung chuyển xi măng Quy Nhơn	10.000	10.000	
53	Mở rộng về phía Tây Khu Du lịch Hải Giang Merry Land	4.800	4.800	
54	Xây dựng Chợ tại khu đất B1-62 thuộc Khu Đô thị mới An Phú Thịnh, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	4.264	4.264	
55	Khu Nghỉ dưỡng Cao cấp Cát Hải Bay (DA Vĩnh Hội) - gđ 2	3.261	3.261	
56	Khu du lịch sườn phía Đông núi Phương Mai, Khu kinh tế Nhơn Hội	320	320	
57	Khu phức hợp Văn phòng TM (CBR) thuộc Khu lõi đô thị	200	200	

STT	Chỉ tiêu	Kịch bản tăng trưởng 8,5% (triệu đồng)	Kịch bản tăng trưởng 10,0% (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5
58	Khu phức hợp Văn hóa (VH) thuộc Khu lõi đô thị	60	60	
59	Khu KS, TTHN Hội thảo (KS), thuộc Khu lõi đô thị	60	60	
60	Khu VCGT (VC), thuộc Khu lõi đô thị	40	40	
61	Khu du lịch sinh thái Eo Gió	23	23	
62	Khu đô thị Nam Quốc lộ 19 (Hạ tầng kỹ thuật)	597.012	597.012	
63	Khu dân cư trung tâm xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn (Hạ tầng kỹ thuật)	157.550	157.550	
64	Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ Đông Bắc Bằng Châu, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn (Hạ tầng kỹ thuật)	56.896	56.896	
65	Khu phố thương mại - dịch vụ thuộc khu đô thị Phú Mỹ Tân (Hạ tầng kỹ thuật)	56.621	56.621	
66	Khu đô thị Bắc Bằng Châu, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn (Hạ tầng kỹ thuật)	55.907	55.907	
67	Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh (dự án 1) (Hạ tầng kỹ thuật)	54.972	54.972	
68	Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị - Trung tâm thương mại dịch vụ đô thị Hoài Thanh Tây (Hạ tầng kỹ thuật)	44.197	44.197	
69	Xây dựng nhà ở tại khu đất HH-02 thuộc Khu đô thị Long Vân (Hạ tầng kỹ thuật)	31.939	31.939	
*	Dự án phân đấu		1.512.500	
1	Nhà ở xã hội Long Vân		430.000	
2	Khu nhà ở xã hội phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn		429.000	
3	Khu nhà ở xã hội Vạn Phát		313.000	
4	Khu nhà ở xã hội thuộc khu vực 1, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn		180.000	
5	Nhà ở xã hội Pisico		160.500	
III	NHÀ Ở NGƯỜI DÂN TỰ XÂY		4.928.900	

Phụ lục 06
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG CỦA NGÀNH DỊCH VỤ

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng vốn đầu tư (VNĐ)	Địa điểm	Diện tích (ha)	Mục tiêu	Quy mô
1	Dự án L'Avenir Quy Nhơn	Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	887.872.315.670	Số 35 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0,3276	Xây dựng khách sạn và căn hộ theo mô hình khách sạn	Khách sạn tiêu chuẩn 4 sao, gồm 20 tầng
2	Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh (dự án 1)	Công ty TNHH Phát triển Đô thị BD	502.000.000.000	Phường Bình Định và Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	8,0367	Xây dựng dự án Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh (dự án 1) đồng bộ, hiện đại về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đường giao thông, ... hình thành nên khu dân cư đô thị dịch vụ, thương mại, dân cư liên vùng nhằm cụ thể hóa Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới trên phân đất khoảng 80,367 m ² bao gồm các công trình: khu nhà ở, khu thương mại – dịch vụ, khách sạn (tiêu chuẩn 4 sao trở lên), công trình công cộng, Quy mô, cụ thể: + Nhà ở : 212 nhà, tổng diện tích 25.907 m ² , gồm: Nhà phố thương mại 12 nhà, tổng diện tích 3.188 m ² , trung bình mỗi căn 250 m ² , cao từ 2 - 6 tầng; Nhà liền kề 200 nhà, tổng diện tích 22.719 m ² , trung bình mỗi căn từ 100 - 125 m ² , cao từ 2 - 6 tầng; + Khu thương mại - dịch vụ, khách sạn, diện tích 12.124 m ² , cao từ 2 - 15 tầng; + Khu cây xanh, trạm xử lý nước thải tập trung, diện tích 1.705 m ² ; + Giao thông, hạ tầng kỹ thuật, diện tích 40.631 m ²
3	Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị - Trung tâm Thương mại dịch vụ đô thị Hoài Thanh Tây	Công ty Cổ phần Gem Holdings ; Công ty Cổ phần Tri Việt Hội An	367.203.016.000	Khu phố Tài Lương 1 và Khu phố Tài Lương 3, phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn	58060	Xây dựng mới khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị - trung tâm thương mại dịch vụ đô thị hiện đại về không gian, kiến trúc, cảnh quan, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; hình thành các công trình thương mại dịch vụ, khách sạn nhà hàng đáp ứng nhu cầu mua sắm, nghỉ ngơi, giải trí của người dân với kiến trúc và kỹ thuật theo quy hoạch được phê duyệt và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và trong tương lai	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị - Trung tâm thương mại dịch vụ đô thị trên tổng diện tích hai khu A, B là: 5,806 ha; trong đó: Đất công cộng thương mại dịch vụ: 4.852,25m ² 0,48ha ; Đất ở dân cư 14.247,25m ² 1,42ha khoảng 114 lô; Đất công viên cây xanh và mặt nước 7.588,4m ² 0,75ha , ... Xây dựng đồng bộ hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật cây xanh, công viên, đường giao thông nội bộ, xây dựng các công trình thương mại dịch vụ. - Quy mô dân số dự kiến khoảng 456 người
4	Khu Ami Resort & Spa	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Kỹ thuật Đông Nam	85.316.000.000	Tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	1,292	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng bao gồm các hạng mục như khu resort, khu bungalow, phòng tập gym, spa, nhà đón tiếp, nhà hàng, sân khấu ngoài trời, nhà nhân viên, cây xanh,...	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng bao gồm các hạng mục như khu resort, khu bungalow, phòng tập gym, spa, nhà đón tiếp, nhà hàng, sân khấu ngoài trời, nhà nhân viên, cây xanh,...
5	Điểm dịch vụ du lịch số 10	Công ty TNHH Sài Gòn Max	81.000.000.000	Thành phố Quy Nhơn	3,26	Xây dựng khu dịch vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, gồm khu biệt thự nghỉ dưỡng, bungalow, khu nhà hàng, khu cafe sân vườn, khu food court, khu vui chơi giải trí.	Xây dựng khu dịch vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, gồm khu biệt thự nghỉ dưỡng, bungalow, khu nhà hàng, khu cafe sân vườn, khu food court, khu vui chơi giải trí.

6	Cụm Du lịch biển La Playa	Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Quy Nhơn Palace	72.800.000.000	Khu đất Sở thú Quy Nhơn, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn;	0,23	Hình thành cụm du lịch biển với các hạng mục công trình giải trí phục vụ du lịch.	Hình thành cụm du lịch biển với các hạng mục công trình giải trí phục vụ du lịch.
7	Khu nghỉ dưỡng La Costa	Công ty Cổ phần Đầu tư Thanh Linh Quy Nhơn	60.000.000.000	Thành phố Quy Nhơn	1,73	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng bao gồm các hạng mục như bungalow, nhà nghỉ villa, khu nhà hàng, cafe giải khát, khu chăm sóc sức khỏe,...	Khu du lịch nghỉ dưỡng bao gồm các hạng mục như bungalow, nhà nghỉ villa, khu nhà hàng, cafe giải khát, khu chăm sóc sức khỏe,...
8	Khách sạn Ánh Sáng Hoàng Gia	Công ty TNHH Tư vấn Gia Thiện	30.727.000.000	Các thửa đất số DC5-16, DC5-17, DC5-18 thuộc Khu dân cư thuộc Khu đô thị phía Tây đường An Dương Vương, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn	0,0325	Xây dựng khách sạn nghỉ dưỡng, tổ chức hội nghị, dịch vụ ăn uống.	Quy mô công trình khách sạn là 01 tầng hầm + 09 tầng nổi + 01 tầng kỹ thuật mái với hệ số sử dụng đất là 07 lần phù hợp với quy hoạch phân khu được duyệt; mật độ xây dựng công trình 80% phù hợp với quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.
9	Khu du lịch Bãi Bằng Bé	Công ty TNHH Ô Sinh Thái Bãi Bằng Bé	19.956.112.000	Một phần Điểm du lịch số 10B, tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu phường Ghènh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	1,44	Cụ thể hóa quy hoạch phân khu 1/2.000 các điểm du lịch - dịch vụ dọc tuyến đường Quy Nhơn - Sông Cầu, thành phố Quy Nhơn; khai thác tiềm năng, lợi thế không gian cảnh quan và khí hậu khu vực ven biển tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu. Xây dựng mới một khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng theo mô hình một khu du lịch nghỉ dưỡng xanh, mật độ xây dựng thấp, kiến trúc độc đáo thân thiện với địa hình tự nhiên dốc đá của khu vực,....; góp phần phát triển du lịch tỉnh Bình Định.	Đầu tư xây dựng mới khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên phần diện tích khoảng 1,44 ha bao gồm các công trình: Công trình dịch vụ, khu bungalow (khoảng 16 căn), các công trình phụ trợ (nhà hàng ăn uống, cafe, khu đón tiếp,...) để phục vụ du lịch.
10	Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 04)	Công ty TNHH Nông Trại Xanh	177.041.060.485	Lô KB-DV 04, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	4,02	+ Cụ thể hóa đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quỹ đất dọc Quốc lộ 19 (mới) đoạn từ thành phố Quy Nhơn đến huyện Tuy Phước. + Xây dựng Khu kho bãi, dịch vụ, logistics để phù hợp quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	+ Tầng cao: 01 tầng.
11	Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics (KB-DV 05)	Công ty TNHH Nông Trại Xanh	169.830.432.034	Lô KB-DV 04, Quốc lộ 19 mới, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	4,02	+ Cụ thể hóa đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quỹ đất dọc Quốc lộ 19 (mới) đoạn từ thành phố Quy Nhơn đến huyện Tuy Phước. + Xây dựng Khu kho bãi, dịch vụ, logistics để phù hợp quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	